

# CÔNG BÁO

NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

## MỤC LỤC

Trang	Trang
<b>HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ</b>	
30-6-1975 — Nghị định số 135-CP về việc ban hành hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh của kế hoạch Nhà nước năm 1976. 197	<b>CÁC BỘ</b>
<b>THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ</b>	
8-7-1975 — Thông tư số 248-TTg về việc áp dụng chế độ đối với quân nhân xuất ngũ có thời gian phục vụ trong quân đội dưới 5 năm được tuyển dụng vào cơ quan, xí nghiệp, hoặc vào học ở các trường đại học, trung học, sơ học chuyên nghiệp, các trường dạy nghề. 207	<b>LIÊN BỘ</b>
15-7-1975 — Quyết định số 256-TTg về chế độ tập sự đối với học sinh tốt nghiệp đại học và trung học chuyên nghiệp. 209	LAO ĐỘNG — ỦY BAN NÔNG NGHIỆP T. U. — TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP
	24-6-1975 — Thông tư liên bộ số 22-TT/LB hướng dẫn một số vấn đề về lao động đối với hợp tác xã mở rộng diện tích phát triển nông, lâm nghiệp ở trung du và miền núi . . . . . 211
	<b>GIAO THÔNG VẬN TẢI — LƯƠNG THỰC VÀ THỰC PHẨM</b>
	1-7-1975 — Quyết định liên bộ số 75-QĐ/LB về việc hủy bỏ thông tư số 01-TT/LB ngày 12-1-1968 về chuyển chỗ, giao nhận lương thực. . . . . 216

### HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

**NGHỊ ĐỊNH số 135-CP ngày 30-6-1975 về việc ban hành hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh của kế hoạch Nhà nước năm 1976.**

### HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

**Đề cải tiến hệ thống chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước hàng năm giao cho các ngành, các địa phương; tăng cường trách nhiệm, quyền hạn của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc**

*Hội đồng Chính phủ, của Ủy ban hành chính lĩnh, thành phố trong việc kế hoạch hóa theo ngành kết hợp với kế hoạch hóa theo lãnh thổ; Theo đề nghị của Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước;*

*Căn cứ vào nghị quyết của Thường vụ Hội đồng Chính phủ trong phiên họp ngày 2 và 3 tháng 5 năm 1975,*

### NGHỊ ĐỊNH

**Điều 1. — Nay ban hành kèm theo nghị định này Hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh của kế hoạch**

09667625

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com



Nhà nước năm 1976 giao cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, các Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và ban hành danh mục các sản phẩm hàng hóa, vật tư trong hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh đó<sup>(1)</sup>.

**Điều 2.** — Hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh của kế hoạch Nhà nước năm 1976 do Hội đồng Chính phủ giao cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, các Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố có tính chất tổng hợp, thể hiện các nhiệm vụ chủ yếu về sản xuất, xây dựng, kinh doanh, sự nghiệp của từng ngành, từng địa phương có liên quan đến các cân đối lớn của Nhà nước, ảnh hưởng trực tiếp đến nhịp độ phát triển và cơ cấu chung của nền kinh tế quốc dân, đến nhu cầu thiết yếu của đời sống nhân dân; bảo đảm cân đối đồng bộ giữa các chỉ tiêu hiện vật và giá trị, đề cao các chỉ tiêu chất lượng.

Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước có trách nhiệm cụ thể hóa thêm về cơ cấu một số chỉ tiêu pháp lệnh đã giao và hướng dẫn thêm những chỉ tiêu cần thiết để bảo đảm tính cân đối chung của kế hoạch Nhà nước và sự phối hợp thực hiện giữa các ngành, các địa phương trong việc thực hiện những chỉ tiêu cụ thể thuộc quyền hạn, trách nhiệm quản lý của ngành, của địa phương. Thủ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban hành chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có quyền giao các chỉ tiêu pháp lệnh cho các đơn vị bên dưới, nhưng không được trái với các chỉ tiêu pháp lệnh của Nhà nước.

**Điều 3.** — Ủy ban Kế hoạch Nhà nước căn cứ vào hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh này, lập văn bản trình Hội đồng Chính phủ giao kế hoạch cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ và Ủy ban hành chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Thủ tướng Chính phủ trực tiếp giao kế hoạch cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ trong danh sách kèm theo, và các Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Đối với các cơ quan khác không có trong danh sách này, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước được Hội đồng Chính phủ ủy quyền thông báo kế hoạch theo chỉ tiêu đã được duyệt.

Riêng về kế hoạch vật tư của các cơ quan có nhu cầu lẻ không nằm trong danh sách được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch trực tiếp thì do Bộ trưởng Bộ Vật tư và các Bộ phụ trách cung ứng khác thông báo kế hoạch.

**Điều 4.** — Các đồng chí Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban hành chính khu, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà-nội, ngày 30 tháng 6 năm 1975

T.M. Hội đồng Chính phủ

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó thủ tướng

LÊ THANH NGHỊ

DANH SÁCH  
CÁC BỘ, TỔNG CỤC  
DO THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ  
TRỰC TIẾP GIAO KẾ HOẠCH

1. Bộ Điện và than
2. Bộ Cơ khí và luyện kim
3. Tổng cục Hóa chất
4. Bộ Công nghiệp nhẹ
5. Tổng cục Thủy sản
6. Tổng cục Lâm nghiệp
7. Ủy ban Nông nghiệp trung ương
8. Bộ Thủy lợi
9. Bộ Xây dựng
10. Ban quản lý công trình sông Đà
11. Bộ Giao thông vận tải
12. Tổng cục Bưu điện
13. Tổng cục Thông tin
14. Bộ Nội thương
15. Bộ Ngoại thương
16. Bộ Vật tư
17. Bộ Y tế
18. Ủy ban bảo vệ bà mẹ và trẻ em trung ương
19. Bộ Giáo dục
20. Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp
21. Bộ Văn hóa
22. Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước
23. Tổng cục Địa chất
24. Cục đo đạc và bản đồ Nhà nước
25. Bộ Quốc phòng
26. Bộ Nội vụ
27. Bộ Tư lệnh công an nhân dân vũ trang
28. Bộ Thương binh và xã hội
29. Bộ Lao động
30. Ngân hàng Nhà nước Việt-nam
31. Ủy ban Thống nhất của Chính phủ
32. Ủy ban Liên lạc kinh tế với nước ngoài.

(1) Không in Danh mục các sản phẩm hàng hóa vật tư.

09667625

## NỘI DUNG HỆ THỐNG CHỈ TIÊU PHÁP LỆNH

## I. CHỈ TIÊU GIAO CHO BỘ, TỔNG CỤC

Tên chỉ tiêu	Thủ tướng Chính phủ giao	Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước giao
<b>A. PHẦN BỘ, TỔNG CỤC TRỰC TIẾP QUẢN LÝ</b>		
<b>1. Về sản xuất, xây dựng, kinh doanh, vận tải :</b>		
<b>a) Giá trị sản lượng :</b>		
- Giá trị tổng sản lượng nông nghiệp	x	
- Giá trị tổng sản lượng công nghiệp	x	
- Giá trị sản lượng hàng hóa công nghiệp	x	
- Giá trị sản lượng xây lắp (kể cả phần nhận thầu cho bên ngoài)	x	
- Giá trị sản lượng khảo sát thiết kế (đối với các Bộ, Tổng cục có lực lượng khảo sát thiết kế) kể cả phần nhận thầu cho bên ngoài	x	
- Danh số lưu chuyển hàng hóa	x	
<b>b) Hiện vật :</b>		
- Sản lượng sản phẩm chủ yếu công nghiệp, nông nghiệp theo chỉ tiêu chất lượng quy định (kèm theo danh mục)	x	
- Sản lượng hàng hóa chủ yếu về thu mua bán lẻ (kèm theo danh mục)	x	
<b>c) Giao nhận sản phẩm :</b>		
- Số lượng sản phẩm giao cho các Bộ, Tổng cục	x	
- Cụ thể hóa sản phẩm giao nhận giữa các Bộ, Tổng cục		x
<b>d) Vận tải :</b>		
- Khối lượng vận tải hàng hóa, hành khách trong đó :	x	
+ Khối lượng vận tải cho một số Bộ, Tổng cục, tỉnh, thành phố	x	
+ Khối lượng một số mặt hàng chủ yếu vận tải đến đích	x	
<b>2. Xuất khẩu :</b>		
- Giá trị sản lượng hàng hóa xuất khẩu và sản phẩm chủ yếu xuất khẩu (kèm theo danh mục)	x	
<b>3. Khoa học kỹ thuật và điều tra cơ bản :</b>		
- Những đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước	x	
- Nhiệm vụ bảo đảm và nâng cao chất lượng sản phẩm (có danh mục kèm theo) xây dựng tiêu chuẩn và quy phạm Nhà nước	x	
- Nhiệm vụ sản xuất sản phẩm mới và áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất	x	
- Nhiệm vụ điều tra tài nguyên và điều kiện thiên nhiên	x	
<b>4. Vốn đầu tư cơ bản :</b>		
- Tổng số vốn đầu tư cơ bản (trên và dưới hạn ngạch)	x	
- Danh mục công trình trên hạn ngạch :		

09667625



Tên chỉ tiêu	Thủ tướng Chính phủ giao	Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước giao
<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chuyển tiếp</li> <li>+ Khởi công mới</li> <li>+ Hoàn thành</li> <li>- Năng lực sản xuất mới tăng</li> <li>- Tài sản cố định mới huy động</li> <li>- Danh mục các công trình trên hạn ngạch cần chuẩn bị đầu tư (xác định địa điểm, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật và nhiệm vụ thiết kế)</li> <li>- Danh mục công trình giao thầu thiết kế, giao thầu xây lắp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>x</li> <li>x</li> <li>x</li> <li>x</li> <li>x</li> <li></li> <li>x</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li></li> <li></li> <li></li> <li></li> <li></li> <li></li> <li></li> <li>x</li> </ul>
<p><b>5. Vật tư kỹ thuật :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng vật tư chủ yếu được sử dụng trong đó : cho xây dựng cơ bản</li> <li>- Số lượng vật tư được Nhà nước cung ứng</li> <li>- Số lượng thiết bị được Nhà nước cung ứng</li> <li>- Tỷ lệ giảm định mức tiêu hao một số vật tư chủ yếu ; mức sử dụng công suất thiết bị, máy móc chủ yếu</li> <li>- Số lượng vật tư tăng cường cho dự trữ Nhà nước</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>x</li> <li>x</li> <li>x</li> <li>x</li> <li>x</li> <li>x</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li></li> <li></li> <li></li> <li></li> <li></li> <li></li> </ul>
<p><b>6. Lao động tiền lương :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng số công nhân viên chức <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khu vực sản xuất vật chất trong đó : cho xây dựng cơ bản</li> <li>+ Khu vực phi sản xuất vật chất trong đó : quản lý hành chính</li> </ul> </li> <li>- Tổng quỹ tiền lương <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khu vực sản xuất vật chất trong đó : cho xây dựng cơ bản</li> <li>+ Khu vực phi sản xuất vật chất trong đó : quản lý hành chính</li> </ul> </li> <li>- Nhịp độ tăng năng suất lao động (%) và năng suất lao động về một số sản phẩm chủ yếu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>x</li> <li>x</li> <li>x</li> <li>x</li> <li>x</li> <li>x</li> <li>x</li> <li>x</li> <li>x</li> <li>x</li> <li>x</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li></li> <li></li> <li></li> <li></li> <li></li> <li></li> <li></li> <li></li> <li></li> <li></li> <li></li> <li></li> </ul>
<p><b>7. Đào tạo, phân phối cán bộ và công nhân :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng cán bộ và công nhân kỹ thuật phải đào tạo <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chia theo trình độ và hình thức đào tạo (kể cả vừa học, vừa làm)</li> <li>+ Chia theo ngành nghề đào tạo</li> </ul> </li> <li>- Số học sinh tốt nghiệp đại học và trung học chuyên nghiệp được phân phối <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chia theo ngành nghề đào tạo</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>x</li> <li>x</li> <li>x</li> <li>x</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li></li> <li></li> <li>x</li> <li>x</li> </ul>
<p><b>8. Giá thành và chi phí lưu thông :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức giảm và tỷ lệ giảm giá thành, chi phí lưu thông</li> <li>- Giá thành : một nghìn đồng tổng sản lượng công nghiệp, nông nghiệp (nông nghiệp quốc doanh) một nghìn đồng doanh số lưu chuyển hàng hóa, vật tư, một nghìn đồng giá trị sản lượng xây lắp kết toán bàn giao, một nghìn tấn/km vận tải</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>x</li> <li>x</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li></li> <li></li> </ul>

09667625

Tên chi tiêu	Thủ tướng Chính phủ giao	Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước giao
<b>9. Tích lũy :</b> — Mức tích lũy tiền tệ phát sinh trong năm kế hoạch trong đó : lợi nhuận	x x	
<b>B. PHẦN KẾ HOẠCH TOÀN NGÀNH :</b>		
I. Đối với những ngành đã thực hiện quản lý tập trung thống nhất toàn ngành như : điện, than, luyện kim, vận tải đường sắt, bưu điện, ngân hàng, lương thực, cung ứng vật tư kỹ thuật.... thì giao chỉ tiêu pháp lệnh toàn ngành về toàn diện cho Bộ, Tổng cục quản lý chuyên ngành như ở phần (A).		
II. Đối với các ngành còn lại, giao chỉ tiêu pháp lệnh toàn ngành cho Bộ, Tổng cục chuyên ngành theo nội dung và mức độ sau đây :		
<b>1. Về sản xuất, xây dựng, kinh doanh, sự nghiệp :</b>		
<b>Ủy ban Nông nghiệp trung ương :</b>		
— Giá trị tổng sản lượng nông nghiệp	x	
— Sản lượng sản phẩm chủ yếu về trồng trọt, chăn nuôi (kể cả nuôi và đánh bắt cá nước ngọt)	x	
— Diện tích trồng mới một số cây công nghiệp, cây ăn quả, cây làm thuốc chủ yếu	x	
— Diện tích khai hoang phục hóa, trong đó diện tích được sử dụng trong năm kế hoạch	x	
— Sản lượng các sản phẩm : muối, rượu, đường, đồ hộp, chè, thuốc lá điếu, dầu ăn...	x	
— Thu mua trâu bò (cây kéo, đực giống...), tơ tằm, chè, thuốc lá, mía, muối	x	
— Giá trị sản lượng xây lắp ngành nông nghiệp (cải tạo đồng ruộng, xây dựng vùng kinh tế mới)	x	
<b>Bộ Thủy lợi :</b>		
— Diện tích tưới, tiêu cho nông nghiệp, trong đó diện tích được tưới, tiêu ổn định	x	
— Diện tích hoàn chỉnh thủy nông (đến tận khoanh)	x	
— Giá trị sản lượng xây lắp ngành thủy lợi	x	
<b>Tổng cục Lâm nghiệp :</b>		
— Diện tích trồng rừng, chăm sóc rừng trồng, tu bổ rừng, tạo rừng cây giống và vườn ươm	x	
trong đó : diện tích trồng rừng chia theo nguồn vốn đầu tư và công dụng kinh tế		
— Sản lượng khai thác, chế biến gỗ và lâm sản	x	x
trong đó : sản lượng gỗ khai thác theo công dụng chủ yếu		
— Giá trị sản lượng xây lắp toàn ngành lâm nghiệp (kể cả trồng và nuôi rừng, khai thác, chế biến gỗ và lâm sản)	x	x
<b>Tổng cục Thủy sản :</b>		
— Sản lượng khai thác thu mua chế biến cá biển và một số hải sản chủ yếu	x	

00667625



Tên chỉ tiêu	Thủ tướng Chính phủ giao	Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước giao
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản lượng nuôi cá, tôm nước mặn và nước lợ</li> <li>- Sản lượng đóng tàu thuyền đánh cá</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>x</li> <li>x</li> </ul>	
<p><i>Bộ Cơ khí và luyện kim :</i></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản lượng các sản phẩm : máy công cụ và phụ tùng máy công cụ ; động cơ điện ; máy công tác đi theo máy kéo ; bơm thủy lợi ; phụ tùng ô-tô, phụ tùng máy kéo, phụ tùng máy đi-ê-đen ; xe đạp và phụ tùng xe đạp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>x</li> </ul>	
<p><i>Tổng cục Hóa chất :</i></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản lượng các sản phẩm : phân hóa học ; sơn hóa học, cao su ; tinh dầu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>x</li> </ul>	
<p><i>Bộ Công nghiệp nhẹ :</i></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản lượng các sản phẩm : dệt, giấy, sứ tiêu dùng, thủy tinh tiêu dùng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>x</li> </ul>	
<p><i>Bộ Xây dựng :</i></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị sản lượng xây lắp toàn ngành xây dựng công nghiệp và dân dụng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>x</li> <li>x</li> </ul>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>trong đó : xây dựng nhà ở</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>x</li> </ul>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các công trình chủ yếu thi công trong năm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>x</li> </ul>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản lượng xi măng, gạch, ngói, vôi, đá, cát, sỏi</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>x</li> </ul>	
<p><i>Bộ Giao thông vận tải :</i></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khối lượng vận tải hàng hóa, hành khách công cộng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>x</li> </ul>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Loại hàng chủ yếu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>x</li> </ul>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phương thức vận tải</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>x</li> </ul>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị sản lượng xây lắp toàn ngành giao thông</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>x</li> </ul>	
<p><i>Bộ Nội thương :</i></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị và sản lượng thu mua nông sản và hàng công nghiệp tiêu dùng chủ yếu (kể cả phần gia công) và gạch, ngói</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>x</li> </ul>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng mức bán lẻ trên thị trường có tổ chức (cả ăn uống công cộng)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>x</li> </ul>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>Chia theo thành phẩm kinh doanh : mậu dịch quốc doanh, hợp tác xã mua bán, thương nghiệp cải tạo</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>x</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng một số mặt hàng bán lẻ chủ yếu trên thị trường có tổ chức</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>x</li> </ul>	
<p><i>Bộ Ngoại thương :</i></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng giá trị và mặt hàng chủ yếu xuất khẩu (kèm theo danh mục)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>x</li> </ul>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng giá trị và mặt hàng chủ yếu nhập khẩu về đến Việt-nam</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>x</li> </ul>	
<p><i>Bộ Y tế :</i></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng số giường bệnh ; tổng số cơ sở điều trị</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>x</li> </ul>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>Chia theo hình thức tổ chức và chuyên khoa</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>x</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị và sản lượng thu mua dược liệu sản xuất và bán lẻ thuốc và dụng cụ y tế</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>x</li> </ul>	

09667625

Tên chỉ tiêu	Thủ tướng Chính phủ giao	Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước giao
<b>Bộ Văn hóa :</b> - Tổng số trang in ; tổng số sách xuất bản và phát hành, số phim sản xuất, in trắng và phát hành Chia theo loại và công dụng	x	x
<b>Tổng cục Thông tin :</b> - Số hệ thống truyền thanh	x	
<b>Ủy ban bảo vệ bà mẹ và trẻ em trung ương :</b> - Số nhà trẻ	x	
<b>Bộ Giáo dục :</b> - Số học sinh phổ thông có mặt đầu năm, số tuyển mới, số tốt nghiệp chia theo từng cấp ; số học sinh bỏ túc văn hóa tập trung có mặt đầu năm học	x	
<b>Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp :</b> - Số lượng cán bộ phải đào tạo + Chia theo trình độ và hình thức đào tạo + Chia theo ngành nghề đào tạo	x x	x
<b>Bộ Lao động :</b> - Số lượng công nhân kỹ thuật phải đào tạo + Chia theo trình độ và hình thức đào tạo (kể cả vừa làm, vừa học) + Chia theo ngành nghề đào tạo	x x	x
<b>2. Về vốn đầu tư cơ bản :</b>		
Giao cho các ngành : nông nghiệp, thủy lợi ; lâm nghiệp (trồng và nuôi rừng, khai thác chế biến gỗ, lâm sản) ; thủy sản (nuôi trồng, khai thác, thu mua, chế biến) ; công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng và cấu kiện xây dựng ; xây dựng công nghiệp nhà ở và dân dụng ; giao thông vận tải công cộng ; kho tàng, cửa hàng thuộc ngành dọc Bộ Nội thương, y tế, văn hóa, giáo dục, về các chỉ tiêu :		
- Tổng số vốn đầu tư cơ bản (trên và dưới hạn ngạch) - Danh mục công trình trên hạn ngạch : + Chuyển tiếp + Khởi công mới + Hoàn thành - Năng lực sản xuất mới tăng	x x x x x	
<b>3. Về vật tư kỹ thuật :</b>		
Giao một số loại vật tư kỹ thuật chủ yếu cho một số ngành và một số sản phẩm công nghiệp theo danh mục kèm theo về các chỉ tiêu :		
- Số lượng vật tư chủ yếu được sử dụng - Số lượng vật tư chủ yếu được Nhà nước cung ứng - Số lượng thiết bị chủ yếu được Nhà nước cung ứng Riêng về vật tư bán lẻ và vật tư gia công thương nghiệp, giao	x x x	

00667625



Tên chỉ tiêu	Thủ tướng Chính phủ giao	Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước giao
toàn ngành cho Bộ Nội thương ; về cung ứng tư liệu sản xuất nông nghiệp, giao toàn ngành cho Ủy ban Nông nghiệp trung ương	x	
<b>4. Về lao động tiền lương :</b> Giao cho các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, nội thương, y tế, giáo dục về các chỉ tiêu : - Tổng số công nhân, viên chức - Tổng quỹ tiền lương Riêng Ủy ban Nông nghiệp trung ương và Tổng cục Lâm nghiệp còn giao thêm chỉ tiêu : - Tổng số lao động điều đi xây dựng vùng kinh tế mới (nông nghiệp, lâm nghiệp) theo hình thức tập thể	x x x	
<b>5. Về đào tạo cán bộ :</b> Giao cho các ngành nông nghiệp, y tế, giáo dục về chỉ tiêu : Số lượng cán bộ phải đào tạo + Chia theo trình độ và hình thức đào tạo + Chia theo ngành nghề đào tạo	x x	x
<b>6. Chi phí lưu thông :</b> Giao cho ngành nội thương các chỉ tiêu : - Mức giảm và tỷ lệ giảm chi phí lưu thông - Giá thành một nghìn đồng doanh số lưu chuyển hàng hóa	x x	

## II. HỆ THỐNG CHỈ TIÊU GIAO CHO ỦY BAN HÀNH CHÍNH TỈNH, THÀNH PHỐ

Tên chỉ tiêu	Thủ tướng Chính phủ giao	Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước giao
<b>A. PHẦN KINH TẾ DO ĐỊA PHƯƠNG TRỰC TIẾP QUẢN LÝ</b> <b>I. Sản xuất nông nghiệp :</b> - Giá trị sản lượng nông nghiệp - Sản lượng sản phẩm chủ yếu về trồng trọt, chăn nuôi, kê cá nuôi và đánh bắt cá nước ngọt (có danh mục kèm theo) - Diện tích trồng mới một số cây công nghiệp, cây ăn quả, cây làm thuốc chủ yếu - Diện tích khai hoang, phục hóa, trong đó diện tích được sử dụng trong năm kế hoạch	x x x x	



Tên chi tiêu	Thủ tướng Chính phủ giao	Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước giao
<b>2. Sản xuất lâm nghiệp :</b> - Diện tích trồng rừng, chăm sóc rừng trồng, tu bổ rừng, tạo rừng cây giống và vườn ươm trong đó : diện tích trồng rừng chia theo nguồn vốn đầu tư và công dụng kinh tế	x	x
<b>3. Nuôi thủy sản :</b> - Sản lượng nuôi thủy sản nước mặn và nước lợ	x	
<b>4. Sản xuất công nghiệp</b> (kể cả khai thác, chế biến gỗ và lâm sản ; khai thác chế biến cá biển và hải sản chủ yếu và sản xuất muối) : - Giá trị tổng sản lượng công nghiệp địa phương - Sản lượng sản phẩm chủ yếu theo chỉ tiêu chất lượng quy định	x x	
<b>5. Vận tải:</b> - Khối lượng vận tải hàng hóa và hành khách + Loại hàng chủ yếu + Phương thức vận tải	x x x	
<b>6. Thương nghiệp :</b> - Giá trị và sản lượng thu mua nông sản, thủy sản, lâm sản, hàng công nghiệp, thủ công nghiệp (cả trong và ngoài nghĩa vụ) - Tổng mức bán lẻ trên thị trường có tổ chức (cả ăn uống công cộng) chia theo thành phần kinh doanh : mậu dịch quốc doanh, hợp tác xã mua bán, thương nghiệp cải tạo - Số lượng một số mặt hàng bán lẻ trên thị trường có tổ chức - Mức cung cấp thực phẩm bình quân theo mức ăn của cán bộ, công nhân viên một số thành phố, khu công nghiệp - Giá trị hàng hóa xuất khẩu và số lượng một số mặt hàng chủ yếu xuất khẩu trực tiếp (không kể nông sản xuất khẩu giao qua Bộ Nội thương)	x x x x	
<b>7. Y tế, văn hóa, giáo dục:</b> - Tổng số giường bệnh ; tổng số cơ sở điều trị + Chia theo hình thức tổ chức và chuyên khoa - Tổng số trang in ; tổng số sách phát hành, số đơn vị chiếu bóng và nghệ thuật ; số lượt người xem chiếu bóng và nghệ thuật + Chia theo loại và công dụng số trang in, số sách phát hành - Số học sinh phổ thông có mặt đầu năm học, số tuyển mới và số tốt nghiệp, chia theo từng cấp ; số học sinh bỏ túc văn hóa tập trung có mặt đầu năm học - Số nhà trẻ	x x x x x	x x
<b>8. Xây dựng cơ bản:</b> - Tổng số vốn đầu tư cơ bản (trên và dưới hạn ngạch)	x	

Tên chỉ tiêu	Thủ tướng Chính phủ giao	Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước giao
<p>trong đó : chia theo một số ngành chủ yếu : nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp (trồng và nuôi rừng, khai thác, chế biến gỗ và lâm sản); thủy sản (nuôi trồng, khai thác, thu mua, chế biến); công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng và cấu kiện xây dựng; xây dựng công nghiệp nhà ở và dân dụng, giao thông vận tải công cộng, thương nghiệp (có cụ thể cho ngành nội thương); y tế, văn hóa, giáo dục</p>	x	
<p>— Danh mục công trình chủ yếu :</p> <p>+ Chuyển tiếp</p> <p>+ Khởi công mới</p> <p>+ Hoàn thành</p>	x x x	
<p>— Năng lực sản xuất mới tăng</p>	x	
<p>— Danh mục các công trình chủ yếu cần phải chuẩn bị đầu tư (xác định địa điểm lập báo cáo kinh tế kỹ thuật và nhiệm vụ thiết kế)</p>	x	
<p>— Giá trị sản lượng xây lắp do địa phương thực hiện (bao gồm cả phần nhận thầu cho các ngành trung ương)</p>	x	
<p><b>9. Vật tư kỹ thuật :</b></p>		
<p>— Số lượng vật tư được sử dụng trong đó : chia theo một số ngành : nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp, thủy sản một số sản phẩm công nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải công cộng</p>	x x	
<p>— Số lượng vật tư chủ yếu được Nhà nước cung ứng</p>	x	
<p>— Số lượng thiết bị được Nhà nước cung ứng</p>	x	
<p><b>10. Lao động, tiền lương :</b></p>		
<p>— Tổng số công nhân viên chức</p>	x	
<p>Khu vực sản xuất vật chất</p>	x	
<p>trong đó : chia theo một số ngành : nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thương nghiệp, xây dựng công nghiệp và dân dụng, giao thông vận tải công cộng...</p>	x	
<p>Khu vực không sản xuất vật chất</p>	x	
<p>trong đó : quản lý hành chính</p>	x	
<p>— Tổng quỹ lương</p>	x	
<p>Khu vực sản xuất vật chất</p>	x	
<p>trong đó : chia theo một số ngành : nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thương nghiệp, xây dựng công nghiệp và dân dụng, giao thông vận tải công cộng...</p>	x	
<p>Khu vực không sản xuất vật chất</p>	x	
<p>trong đó : quản lý hành chính</p>	x	
<p>— Nhịp độ tăng năng suất lao động và năng suất lao động về một số sản phẩm chủ yếu của ngành công nghiệp, xây dựng, vận tải</p>	x x	

09667625



Tên chỉ tiêu	Thủ tướng Chính phủ giao	Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước giao
- Điều lao động : + Số lao động điều cho trung ương + Số lao động trung ương điều đến xây dựng vùng kinh tế của tỉnh	x x	
<b>II. Đào tạo, phân phối cán bộ, công nhân kỹ thuật :</b>		
- Số lượng cán bộ, công nhân kỹ thuật phải đào tạo	x	
+ Chia theo trình độ và hình thức đào tạo (kể cả vừa học, vừa làm)	x	
+ Chia theo ngành nghề đào tạo		x
- Số học sinh tốt nghiệp đại học và trung học chuyên nghiệp được trung ương phân phối cho địa phương	x	
+ Chia theo ngành nghề đào tạo		x
<b>B. PHẦN KINH TẾ LÃNH THỔ</b>		
Bước đầu giao chỉ tiêu :		
- Toàn bộ vốn đầu tư xây dựng nhà ở và các công trình công cộng phục vụ đời sống thuộc mọi nguồn vốn	x	
- Năng lực mới tăng về nhà và các công trình công cộng phục vụ đời sống	x	

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

**THÔNG TƯ số 248-TTg ngày 8-7-1975**  
**về việc áp dụng chế độ đối với quân nhân xuất ngũ có thời gian phục vụ trong quân đội dưới 5 năm được tuyển dụng vào các cơ quan, xí nghiệp Nhà nước, hoặc vào học ở các trường đại học, trung học, sơ học chuyên nghiệp, các trường dạy nghề.**

Ngày 20 tháng 7 năm 1974, Hội đồng Chính phủ đã ban hành quyết định số 178-CP về việc sửa đổi chính sách đối với quân nhân chuyên ngành và phục viên. Theo quyết định trên, những quân nhân có thời gian phục vụ trong quân đội dưới 5 năm (trừ quân nhân hoạt động ở chiến trường A, B, C bị thương được xếp hạng thương tật, hoặc hoạt động ở chiến trường B, C mà bị bệnh kinh niên, mãn tính) khi chuyển ngành sang các cơ quan, xí nghiệp Nhà nước

hoặc về địa phương thì hưởng chế độ xuất ngũ quy định trong thông tư số 95-TTg ngày 11-3-1961 của Thủ tướng Chính phủ.

Đề bảo đảm quan hệ đãi ngộ hợp lý giữa những quân nhân xuất ngũ có thời gian phục vụ trong quân đội dưới 5 năm với cán bộ, công nhân, viên chức Nhà nước và thanh niên xung phong có thời gian công tác dưới 5 năm được tuyển dụng vào các cơ quan, xí nghiệp Nhà nước, hoặc được tuyển vào học các trường đại học, trung học, sơ học chuyên nghiệp và các trường dạy nghề, Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn việc áp dụng chế độ như sau.

### 1. Những quân nhân phục vụ trong quân đội dưới 5 năm khi xuất ngũ có lý do chính đáng :

a) Nếu được tuyển dụng vào cơ quan, xí nghiệp Nhà nước đều phải qua thời gian làm thử và làm việc gì hưởng lương theo việc ấy (áp dụng theo điều lệ tuyển dụng và cho thời việc đối với công nhân viên chức Nhà nước ban hành theo nghị định số 24-CP ngày 13-3-1963 của Hội đồng Chính phủ). Trường hợp lương mới